

NGHIÊN CỨU CÁC NHÂN TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CHẤT LƯỢNG GIÁO DỤC THỂ CHẤT TẠI TRƯỜNG ĐẠI HỌC THỦY LỢI THÔNG QUA CÁCH TIẾP CẬN TỪ NHẬN THỨC CỦA SINH VIÊN

Nguyễn Thị Thu Hoà¹, Nguyễn Xuân Hoạt²

Tóm tắt: Thông qua cơ sở lý luận kết hợp khảo sát thực tiễn, tham khảo ý kiến chuyên môn, ... nghiên cứu tiến hành hệ thống các cơ sở lý luận phù hợp và liên quan đến việc xem xét, đánh giá chất lượng giáo dục thực tiễn trong môn Giáo dục Thể chất tại Trường Đại học Thủy lợi. Nghiên cứu tiến hành khảo sát thực tế đối với 03 khóa học năm thứ nhất và hai để đánh giá các yếu tố tác động chính đến chất lượng Giáo dục Thể chất thực tế tại Trường Đại học Thủy lợi. Kết quả được xác định có ý nghĩa quan trọng trong việc xem xét hoàn thiện chương trình giảng dạy hiện hành, qua đó nâng cao chất lượng giáo dục theo hướng phù hợp thực tiễn và nhu cầu xã hội.

Từ khóa: Chất lượng giáo dục, giáo dục thể chất, sinh viên, Trường Đại học Thủy lợi.

Abstract: Through a theoretical basis combined with practical surveys, consultation with experts, etc., the study conducted a system of appropriate theoretical foundations related to the review and assessment of education quality. Practical education in Physical Education at Water Resources University. The study conducted a field survey of three first- and second-year courses to evaluate the main factors affecting the quality of practical Physical Education at Water Resources University. The results were determined to be important in considering and perfecting the current curriculum, thereby improving the quality of education in a way that is consistent with practice and social needs.

Keywords: Education quality, physical education, students, Water Resources University.

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Kiểm soát chất lượng GD có vai trò quan trọng khi giáo dục (GD) đóng vai trò then chốt trong quá trình phát triển cá nhân và xã hội, và điều này rất quan trọng trong việc GD được đảm bảo chất lượng. Trong lĩnh vực GD đại học, việc duy trì kiểm soát chất lượng là điều cần thiết. Bằng cách duy trì sự kiểm soát, các tổ chức có thể nâng cao kết quả học tập, tăng cường sự tự tin của SV, tăng cơ hội việc làm và thúc đẩy đổi mới trong GD.

Mục đích của bài báo này là xác định các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng công tác Giáo dục Thể chất (GDTC) tại Trường Đại học Thủy lợi (T.ĐHTL) thông qua cách tiếp cận từ nhận thức của sinh viên (SV). Kết quả được xác định có ý nghĩa thực tiễn trong việc đánh giá hiệu quả chương trình giảng dạy hiện hành, từ đó xem xét đề xuất các quan điểm can thiệp nhằm nâng cao hiệu quả và chất lượng GD, giảng dạy thực tiễn môn tại T.ĐHTL.

Nghiên cứu sử dụng các phương pháp nghiên cứu khoa học TĐTT và GDTC thường quy, tin cậy gồm: Đọc và phân tích Tài liệu; Quan sát sự phạm; Phỏng vấn; Toán học thống kê.

2. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU VÀ BÀN LUẬN

2.1. Cơ sở lý luận

2.1.1. Khái niệm cơ bản

Chất lượng GD: Chất lượng GD là chất lượng con người được đào tạo từ các hoạt động GD. Chất lượng ở đây phải được hiểu theo hai mặt của một vấn đề: Các phẩm chất của con người gắn liền với người đó, còn giá trị của con người thì phải gắn liền với yêu cầu của xã hội. Về đặc tính, chất lượng GD phải bảo đảm hai thuộc tính cơ bản: Tính toàn diện và phát triển.

GD Thể chất: GDTC là một loại hình GD mà nội dung chuyên biệt là dạy học động tác, GD các tố chất thể lực, lĩnh hội các tri thức chuyên môn về Thể dục, Thể thao (TĐTT) và hình thành nhu cầu tập luyện tự giác ở con người.

Theo Nôvicốp A.D và Matvêep L.P, GDTC là một quá trình giải quyết những nhiệm vụ GD - giáo dục nhất định mà đặc điểm của quá trình này là có tất cả các dấu hiệu chung của quá trình sự phạm với vai trò chỉ đạo của nhà sư phạm, các quá trình tổ chức và hoạt động đảm bảo đầy đủ các nguyên tắc sư phạm.

Theo Luật TĐTT quy định: GDTC là môn học chính khóa thuộc chương trình GD nhằm cung cấp

1: Bộ môn GDTC - Trung Tâm GDQP&AN
Trường Đại học Thủy Lợi.

2: Trường Đại học Thể dục Thể thao Bắc Ninh.

kiến thức, kỹ năng vận động cơ bản cho người học thông qua các bài tập và trò chơi vận động, góp phần thực hiện các mục tiêu GD toàn diện.

Như vậy, GDTC bao gồm dạy học động tác và GD các chỉ tiêu thể lực. Dạy học động tác là nội dung cơ bản của quá trình giáo dục thể chất. Đó là quá trình tiếp thu có hệ thống những cách thức điều khiển động tác, vốn kỹ năng vận động cần thiết cho cuộc sống và những tri thức chuyên môn. Còn GD các chỉ tiêu thể lực là sự tác động hợp lý tới sự phát triển tổ chức đảm bảo các năng lực vận động cơ bản và định hướng kỹ năng chuyên môn.

Nghiên cứu cho rằng, GDTC là môn học chính khóa thuộc chương trình GD nhằm cung cấp kiến thức, kỹ năng vận động cơ bản cho người học thông qua các phương tiện (bài tập và trò chơi vận động) góp phần thực hiện mục tiêu GD toàn diện.

Chất lượng GDTC: Chất lượng GDTC được hiểu là chất lượng con người được đào tạo ra từ các hoạt động GDTC (bao gồm cả GD và giáo dục thể chất). Việc đánh giá chất lượng GDTC của SV được tiến hành thông qua: 1) Kiến thức lý luận về GDTC được qui định theo chương trình; 2) Kỹ năng thực hiện kỹ thuật các môn thể thao; 3) Thực hiện các chỉ tiêu thể lực theo nội dung tiêu chuẩn rèn luyện thân thể theo năm học.

2.1.2. Những yếu tố tác động đến chất lượng GDTC

2.1.2.1. Đặc điểm tự ý thức của SV

Một trong những đặc điểm tâm lý lứa tuổi quan trọng nhất của SV là tư duy khoa học và tự ý thức. Đó là ý thức và sự tự đánh giá của bản thân SV về hành động, kết quả hoạt động của bản thân, tư tưởng, tình cảm, tác phong đạo đức, hứng thú, động cơ của hành vi, hoạt động, là sự đánh giá toàn diện về bản thân và cuộc sống.

Tự ý thức bao gồm cả tự quan sát bản thân, tự phân tích, tự trọng, tự đánh giá, tự kiểm tra hoạt động và nhân cách của mình. Tự ý thức được xem như là một loại đặc biệt của ý thức trong đời sống cá nhân, có chức năng tự điều chỉnh hành động và thái độ đối với bản thân.

2.1.2.2. Hoạt động học tập của SV

Yếu tố tâm lý liên quan đến hoạt động học, tập ở đại học của SV có tính đặc thù, có ý thức và hướng đến sự chuẩn bị đầy đủ cho SV trở thành người công dân có trình độ nghiệp vụ, được trang bị để phát triển toàn diện và nâng cao trong hoạt động chuyên môn.

2.1.2.3. Động cơ học tập của SV

Bất cứ hoạt động nào cũng được thúc đẩy, kích thích bởi động cơ. Động cơ là cái vì nó mà người

ta hoạt động để đạt mục đích đã định. Vì vậy, hoạt động học tập của SV cũng được kích thích, thúc đẩy bởi động cơ nào đó.

Động cơ học tập của SV cũng được xem là sự vật, hiện tượng kích thích, thúc đẩy SV học tập để nắm vững tri thức, kỹ năng nghề nghiệp và phát triển nhân cách.

Những sự vật, hiện tượng có thể trở thành động cơ học tập, bắt nguồn từ 2 nguồn gốc: 1) Bên ngoài (gồm gia đình, nhà trường, xã hội, địa vị cá nhân,... cũng bao gồm các kỳ vọng của những yếu tố này đối với bản thân SV); 2) Bên trong (là những yếu tố động cơ từ nội tại và mục tiêu của bản thân SV).

Những vấn đề này kết hợp với nhau, tác động đến mục tiêu và động cơ của SV tiến hành và tự tiến hành hoạt động học, tập và nó được gọi là động cơ học, tập của SV. Dựa vào mục đích học tập của SV, thực tiễn cho thấy có rất nhiều loại động cơ, về cơ bản được chia thành 5 loại gồm: 1) Động cơ xã hội (là các nhu cầu, lợi ích và chuẩn mực xã hội tác động đến mục đích và động cơ của SV); 2) Động cơ nghề nghiệp (SV hướng đến việc nắm bắt kiến thức, kỹ năng nghề nghiệp tương lai, cũng bao gồm các yếu tố hứng thú và tính sáng tạo cá nhân); 3) Động cơ nhận thức (là nhu cầu tự thân nhằm nâng cao kiến thức, kỹ năng hoặc chiếm lĩnh mục tiêu cá nhân thông qua học tập liên tục và không ngừng); 4) Động cơ tự khẳng định mình (SV tự mình/hoặc do xã hội, bao gồm cả gia đình định hướng nâng cao vị trí, nhận thức về bản thân thông qua hoạt động học tập); 5) Động cơ vụ lợi (SV học tập vì các mục tiêu liên quan đến kinh tế, vị trí xã hội).

Những động cơ này kích thích, thúc đẩy SV tích cực học tập, và cũng tùy theo nhận thức khác nhau, mức độ động cơ tác động cũng khác nhau ở mỗi SV.

2.1.2.4. Động cơ tham gia thể thao của con người

Bản thân hoạt động vận động là một nhu cầu cơ bản của sự sống, bởi bản chất của sự sống là sự vận động không ngừng theo mọi hình thức. Hoạt động vận động cũng đảm bảo các nhu cầu cơ bản và sức khỏe, cuộc sống của con người. Theo sự biến đổi của xã hội và khoa học công nghệ, hoạt động vận động từ bản chất cơ bản biến thành nhiều loại theo mục đích của con người. Ví dụ: Thể dục thể hình đáp ứng mong muốn về giá trị thẩm mỹ của thân thể; Tập luyện thể dục có giá trị giải trí, bảo vệ sức khỏe đối với những đối tượng đặc thù như người thiếu thời gian tập luyện thể thao thường xuyên, người cao tuổi,...; Thể thao giải trí có hiệu quả thư giãn tinh thần sau làm việc học tập của công nhân viên chức, học sinh, SV,....

Tùy thuộc và các đặc tính của con người (giới tính, lứa tuổi, điều kiện, lối sống, hứng thú,...), điều kiện (kinh tế, nhận thức xã hội, điều kiện tập luyện,...) đã nảy sinh ra sự đa dạng trong hoạt động vận động liên quan đến TDDT và GDTC. Theo đó, động cơ tham gia TDDT là một mặt ý thức của người tập trong đó phản ánh tư tưởng, tình cảm thúc đẩy họ tham gia tập luyện. Động cơ miêu tả trạng thái kích thích bên trong, điều khiển và chỉ đạo hành vi với 05 giai đoạn cụ thể: 1) Nhu cầu về sự thừa nhận; 2) Giảm stress; 3) Tự nỗ lực; 4) Kỳ vọng; 5) Mục tiêu hướng tới hành vi [10].

2.2. Thực trạng điều kiện đảm bảo cho hoạt động GDTC của T.ĐHTL

2.2.1. Đội ngũ giảng viên và cơ sở vật chất

Số lượng đội ngũ giảng viên GDTC tại T.ĐHTL luôn được quan tâm và đảm bảo chuẩn hóa về trình độ với 100% giảng viên có trình độ Thạc sỹ. Về ý thức, 100% giảng viên môn GDTC đều có tinh thần trách nhiệm cao, nhiệt tình, yêu nghề. Tuy nhiên, với xu thế ngày càng phát triển của Nhà trường, lực lượng giảng viên môn GDTC của T.ĐHTL còn mỏng, toàn bộ số lượng giảng viên của bộ môn được phân công đảm nhiệm giảng dạy học phần GDTC cho SV toàn trường. Do vậy, việc nâng cao chất lượng GDTC tại trường còn gặp nhiều khó khăn.

Cơ sở vật chất, dụng cụ học tập là nhu cầu thiết yếu nhằm đảm bảo chất lượng giảng dạy trong môn GDTC, đây luôn là yếu tố quan trọng tác động trực tiếp đến hiệu quả, chất lượng đào tạo. Nếu được đáp

ứng đầy đủ trang thiết bị đúng và đủ chuẩn sẽ tạo điều kiện tốt cho giảng viên phát huy hết năng lực chuyên môn.

Trong những năm vừa qua, T.ĐHTL luôn quan tâm và trang bị cơ sở vật chất, các trang thiết bị - dụng cụ học tập GDTC, ngoại khóa TDDT cho giảng viên và SV sử dụng, song chưa đáp ứng được nhu cầu thực tế giảng dạy. Mặc dù cơ sở vật chất phục vụ công tác GDTC được Ban Giám hiệu quan tâm đầu tư, tuy nhiên, để phục vụ giảng dạy cho SV toàn trường thì vẫn chưa đáp ứng nhu cầu sử dụng. Do vậy, việc tổ chức giảng dạy các môn GDTC và Thể thao Tự chọn cũng còn gặp nhiều hạn chế, chỉ có thể tổ chức giảng dạy một số môn ít hoặc không sử dụng dụng cụ.

2.2.2. Thực trạng các yếu tố tác động đến SV đối với môn GDTC

Để đánh giá thực trạng nhận thức của SV đối với môn GDTC, nghiên cứu đã tiến hành khảo sát SV tại T.ĐHTL về nhận thức đối với môn học và công tác Thể thao trường học. Nghiên cứu sử dụng phương pháp điều tra xã hội học với số lượng phiếu phát ra là 1.200 phiếu và kết quả thu về được 1028 phiếu, trong đó có 172 phiếu không hợp lệ và bị loại. Kết quả thông qua xử lý được trình bày tại bảng 1.

Qua bảng 1 cho thấy, nhận thức của SV về mức độ cần thiết đối với môn GDTC tương đối cao, đạt mức 59.89%, thông qua đó cũng cho thấy những hữu ích của môn học này đối với việc đảm bảo chất lượng trong quá trình học tập nghiên cứu tại T.ĐHTL. Mặc

Bảng 1: Kết quả khảo sát nhận thức của SV tại T.ĐHTL về công tác GDTC (n=1028)

Nội dung khảo sát		n	%
Nhận thức của SV về môn GDTC	Rất cần thiết	243	23.61
	Cần thiết	373	36.28
	Bình thường	313	30.44
	Không cần thiết	88	8.56
	Rất không cần thiết	11	1.07
Mức độ hài lòng của SV đối với môn GDTC	Rất hài lòng	272	26.45
	Hài lòng	418	40.66
	Bình thường	236	22.95
	Không hài lòng	99	9.63
	Rất không hài lòng	3	0.29
Mức độ rèn luyện thể thao của SV	Thường xuyên	427	41.53
	Thỉnh thoảng	362	35.21
	Không luyện tập	239	23.24
Mức độ hài lòng của SV đối với cơ sở vật chất phục vụ học, tập GDTC và Thể thao ngoại khóa	Rất hài lòng	192	18.67
	Hài lòng	255	24.80
	Bình thường	509	49.31
	Không hài lòng	61	5.93
	Rất không hài lòng	13	1.26

dù chỉ có 1.07% trên tổng số SV được khảo sát cho rằng môn học này là rất không cần thiết, nhưng đây cũng là vấn đề đáng được quan tâm, cần phải tuyên truyền nhiều hơn về những tác dụng tích cực của môn học GDTC đối với nhận thức của SV.

Về mức độ hài lòng đối với môn học GDTC, có đến 67.11% số lượng SV được khảo sát đánh giá là hài lòng với môn học này. Tuy nhiên, vẫn còn 9.92%, SV đánh giá không hài lòng hoặc rất không hài lòng đối với môn học này. Điều đó cho thấy cần nâng cao hơn nữa chất lượng GD, chất lượng cơ sở vật chất cũng như chất lượng giờ giảng để giảm thiểu những đánh giá không tốt của SV.

Về mức độ hài lòng đối với cơ sở vật chất phục vụ học tập và rèn luyện, có gần 50% số lượng SV khảo sát chỉ đánh giá ở mức độ hài lòng. Mặc dù thời gian vừa qua, Nhà trường đã quan tâm đến việc đầu tư cơ sở vật chất phục vụ cho môn học, tuy nhiên, mỗi cán bộ, giáo viên bộ môn cũng cần nỗ lực nghiên cứu, đề xuất những môn học phù hợp với điều kiện thực tế mà vẫn đáp ứng được nhu cầu học, tập của SV.

2.2.3. Thực trạng nhận thức của SV về ý thức luyện học, tập GDTC

Số liệu từ bảng 2 cho thấy, nhận thức của SV về ý thức luyện học, tập môn GDTC tại T.ĐHĐL tương đối tốt khi tích cực tìm hiểu về môn học cũng như tác động của môn học GDTC đối với quá trình học tập. Điều này cho thấy công tác truyền thông về ý nghĩa và tầm quan trọng của môn học này đang được Nhà trường thực hiện tương đối tốt, lượng thông tin đến được với SV tương đối đầy đủ. Tuy nhiên, công tác tuyên truyền cần nỗ lực hơn nữa để SV thấy được những tác động tích cực, giảm thiểu số lượng SV cho rằng môn học này không tác động tốt đối với thể chất của SV (33.46%) như hiện nay.

3. KẾT LUẬN

Qua đánh giá thực trạng các yếu tố tác động cũng như nhận thức đối với môn học GDTC của SV tại T.ĐHĐL cho thấy, mặc dù đã có nhiều thành công

nhưng vẫn còn những hạn chế cần nỗ lực hơn nữa để hoàn thành mục tiêu GDTC đối với SV trong quá trình học tập. Cần tạo điều kiện tốt hơn cho SV có những phương thức phù hợp để giải tỏa những áp lực gặp phải trong quá trình học tập.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Bộ GD&ĐT (2001), Quyết định số 14/2001 ngày 03/5/2001, *V/v Ban hành qui chế về công tác GDTC và Y tế trường học trong trường học các cấp*.
2. Bộ GD&ĐT (2015), Thông tư số 25/2015/TT-BGD&ĐT ngày 25/10/2015 của Bộ GD&ĐT, *Quy định về chương trình môn học GDTC thuộc các chương trình đào tạo trình độ đại học*.
3. Lưu Quang Hiệp và cộng sự (2002), *Y học TDTT*, Nxb TDTT, Hà Nội.
4. Novicov A.D, Matveev L.P. (1979), *Lý luận và Phương pháp GDTC*, Nxb TDTT, Hà Nội.
5. Quốc hội (2006), *Luật TDTT*, số 77/2006/QH11.
6. Thủ tướng Chính phủ (2015), *Nghị định số 11/2015/NĐ-CP ngày 31/01/2015 quy định “Chương trình GDTC và hoạt động TDTT trong nhà trường”*.
7. Nguyễn Văn Thành (2007), *Tâm lý học đại học* (Bài giảng dành cho cán bộ giảng viên các trường đại học, cao đẳng về Chứng chỉ Lý luận Dạy học đại học).
8. Stephen J.Virgilio, 1997, *Fitness Education for Children*, A team approach Publisher Human Kinetics, New York.

Nguồn bài báo: Nghiên cứu được thực hiện theo nhiệm vụ nghiên cứu khoa học thường niên, đã được báo cáo và thông qua kế hoạch nghiên cứu khoa học đơn vị và trường năm học 2023-2024 tại T.ĐHĐL

Ngày nhận bài: 1/2/2025; **Ngày duyệt đăng:** 15/4/2025.

Bảng 2: Kết quả tự đánh giá của SV về ý thức luyện tập thể chất (n=1028)

Nội dung đánh giá	Có		Không	
	<i>n</i>	%	<i>n</i>	%
1) SV có tìm hiểu về tầm quan trọng của môn GDTC	786	76.45	242	23.54
2) SV tự giác rèn luyện trong các buổi học để có thể hoàn thành tốt nhất môn học	797	77.52	231	22.47
3) Ngoài giờ học SV có tham gia luyện tập theo các bài học của môn GDTC	523	50.87	505	49.12
4) SV có tham gia cá nhân hoặc tập thể để có thể rèn luyện thể chất ngoài giờ học	242	23.44	787	76.55
5) SV nhận được những tác động tích cực mang lại từ các môn học GDTC đối với quá trình học tập nghiên cứu tại trường	684	66.53	344	33.46